

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ



GIÁO TRÌNH
MÔN HỌC: Y HỌC CỔ TRUYỀN
NGÀNH: Y SỸ ĐA KHOA
TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-CDKT ngày tháng năm.....
của Trường Cao đẳng Y tế Sơn La)*

Sơn La, năm 2020

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

TaiLieu.vn

LỜI GIỚI THIỆU

Thực hiện một số điều theo Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 11/3/2017 của Bộ lao động, Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp trình độ cao đẳng, Trường Cao đẳng Y tế Sơn La đã tổ chức biên soạn tài liệu dạy/học một số môn cơ sở và chuyên ngành theo chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng nhằm từng bước xây dựng bộ tài liệu chuẩn trong công tác đào tạo.

Với thời lượng học tập 60 giờ (29 giờ lý thuyết; 26 giờ thực hành; thí nghiệm, thảo luận, bài tập; 05 giờ kiểm tra).

Môn Y học cổ truyền giảng dạy cho học sinh với mục tiêu:

- Cung cấp cho người học một số khái niệm cơ bản về lý luận y học cổ truyền, cách sử dụng thuốc Nam và phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc.

- Giúp người học thực hành một số kỹ năng xoa bóp bấm huyệt, châm cứu, sử dụng được một số vị thuốc Nam để điều trị một số chứng bệnh thường gặp trên lâm sàng theo phương pháp Y học cổ truyền.

Do đối tượng giảng dạy là y sỹ đa khoa nên nội dung của chương trình tập trung chủ yếu vào những kiến thức cốt lõi, những vị thuốc, những huyệt thường gặp ở mỗi hệ cơ quan; Để phục vụ cho thẩm định giáo trình, nhóm biên soạn đã cập nhật kiến thức, điều chỉnh lại những nội dung sát với thực tế.

Nội dung của giáo trình bao gồm các bài sau:

Bài 1. Học thuyết âm dương ngũ hành và ứng dụng trong y học cổ truyền

Bài 2: Nguyên nhân gây bệnh

Bài 3: Tạng phủ và các chứng bệnh tạng phủ

Bài 4: Phương pháp chẩn đoán và chữa bệnh theo Y học cổ truyền

Bài 5: Hệ kinh lạc và kỹ thuật châm cứu

Bài 6: Vị trí tác dụng cách châm 60 huyệt thường dùng

Bài 7: Các thủ thuật xoa bóp bấm huyệt

Bài 8: Xoa bóp bấm huyệt chữa một số bệnh thông thường

Bài 9: Luyện tập dưỡng sinh

Bài 10: Các phương pháp dân gian chữa cảm mạo

Bài 11: Thuốc giải biểu

Bài 12: Thuốc thanh nhiệt

Bài 13: Thuốc trừ hàn - Lợi tiểu

Bài 14: Hành khí - Hoạt huyết

Bài 15: Thuốc cầm máu- An thần - Ho long đờm - Nhuận tràng - Cầm ỉa chảy

Bài 16: Thuốc bổ dưỡng

Bài 17: Đau dây thần kinh hông to, Thần kinh vai gáy, Liệt thần kinh VII ngoại biên do lạnh.

Bài 18. Cách kê đơn thuốc Y học cổ truyền

Học sinh muốn tìm hiểu sâu hơn các kiến thức Y học cổ truyền có thể sử dụng sách giáo khoa dành cho đào tạo bác sĩ về lĩnh vực này như: Bài giảng Y học cổ truyền dành cho đào tạo bác sĩ đa khoa, tranh huyết châm cứu. Các kiến thức liên quan đến Y học cổ truyền chúng tôi không đề cập đến trong chương trình giảng dạy.

Trong quá trình biên soạn, chúng tôi đã tham khảo và trích dẫn từ nhiều tài liệu được liệt kê tại mục Danh mục tài liệu tham khảo. Chúng tôi chân thành cảm ơn các tác giả của các tài liệu mà chúng tôi đã tham khảo.

Bên cạnh đó, giáo trình cũng không thể tránh khỏi những sai sót nhất định. Nhóm tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp, phản hồi từ quý đồng nghiệp, các bạn người học và bạn đọc.

Trân trọng cảm ơn./.

Sơn La, ngày tháng năm 2020

Tham gia biên soạn

1. Chủ biên: ThS Phạm Hồng Thắng

2. Thành viên: CN Hoàng Điệp

MỤC LỤC

BÀI 1. HỌC THUYẾT ÂM DƯƠNG NGŨ HÀNH VÀ ỨNG DỤNG TRONG Y HỌC CỔ TRUYỀN.....	10
BÀI 2. NGUYÊN NHÂN GÂY BỆNH.....	16
BÀI 3. TẠNG PHỦ VÀ CÁC CHỨNG BỆNH TẠNG PHỦ	22
BÀI 4.	28
PHƯƠNG PHÁP CHẨN ĐOÁN VÀ CHỮA BỆNH THEO Y HỌC CỔ TRUYỀN..	28
BÀI 5. HỆ KINH LẠC VÀ KỸ THUẬT CHÂM CỨU.....	35
BÀI 6. VỊ TRÍ - TÁC DỤNG - CÁCH CHÂM 60 HUYỆT THƯỜNG DÙNG.....	41
BÀI 7. CÁC THỦ THUẬT XOA BÓP BẮM HUYỆT.....	58
BÀI 8.	65
XOA BÓP BẮM HUYỆT CHỮA MỘT SỐ BỆNH THÔNG THƯỜNG..	65
BÀI 9. LUYỆN TẬP DƯỠNG SINH.....	71
BÀI 10. CÁC PHƯƠNG PHÁP DÂN GIAN CHỮA CẢM MẠO.....	76
BÀI 11. THUỐC GIẢI BIỂU	81
BÀI 12. THUỐC THANH NHIỆT	97
BÀI 13. THUỐC TRỪ HÀN, LỢI NIỆU	113
BÀI 14. THUỐC HÀNH KHÍ, HOẠT HUYỆT.....	124
BÀI 15. THUỐC CẦM MÁU, AN THẦN, HO LONG ĐỒM, NHUẬN TRÀNG, CẦM ỈA CHẢY	135
BÀI 16. THUỐC BỔ DƯỠNG.....	151
BÀI 17. ĐAU DÂY THẦN KINH HÔNG TO, THẦN KINH VAI GÁY, LIỆT DÂY THẦN KINH VII NGOẠI BIÊN DO LẠNH.....	166

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

1. Tên môn học: Y học cổ truyền

2. Mã môn học: 210117

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (29 giờ lý thuyết; thảo luận/bài tập: 26 giờ; Kiểm tra: 05 giờ)

3. Vị trí, tính chất của môn học:

3.1. Vị trí: Môn học này trong nhóm các môn học chuyên môn ngành, nghề.

3.2. Tính chất: Môn học chia 2 phần. Phần Y học cổ truyền cung cấp cho người học một số khái niệm cơ bản về lý luận y học cổ truyền, cách sử dụng thuốc Nam và phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc; thành thạo kỹ năng xoa bóp bấm huyệt, châm cứu điều trị một số chứng bệnh thường gặp trên lâm sàng và cộng đồng. Sử dụng được một số vị thuốc Nam để chữa bệnh theo phương pháp Y học cổ truyền một số bệnh thường gặp trên lâm sàng và cộng đồng.

3.3. Ý nghĩa và vai trò của môn học:

- Giáo trình “**Y học cổ truyền**” gồm gồm 18 bài, giảng viên biên soạn để học sinh học được một số khái niệm cơ bản về lý luận y học cổ truyền, cách sử dụng thuốc Nam và phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc; đồng thời thực hành một số kỹ năng xoa bóp bấm huyệt, châm cứu, sử dụng được một số vị thuốc Nam để điều trị một số chứng bệnh thường gặp trên lâm sàng theo phương pháp Y học cổ truyền phù hợp với chương trình đào tạo học sinh y sỹ đa khoa.

- Ở mỗi bài đều có mục tiêu học tập, nội dung bài học và các câu hỏi tự lượng giá, giúp học sinh bám sát vào nội dung cơ bản và cũng tự kiểm tra được kiến thức cơ bản của mình để việc tự học được tốt hơn.

4. Mục tiêu môn học:

4.1. Về kiến thức:

A1. Trình bày được một số khái niệm cơ bản về lý luận y học cổ truyền.

A2. Mô tả được cách sử dụng thuốc nam, phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc để phòng và chữa một số chứng bệnh thường gặp.

4.2. Về kỹ năng:

B1. Thành thạo kỹ năng xoa bóp bấm huyệt, châm cứu để điều trị một số chứng bệnh thường gặp trên lâm sàng và cộng đồng.

B2. Nhận biết được một số vị thuốc Nam để chữa bệnh theo phương pháp Y học cổ truyền.

4.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

C1. Thể hiện được năng lực tự học, tự nghiên cứu.

C2. Chịu trách nhiệm về kết quả học tập của bản thân.

5. Nội dung của môn học:

5.1. Chương trình khung:

Mã môn học	TÊN MÔN HỌC	Số tín chỉ	THỜI GIAN HỌC TẬP (GIỜ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	11	210	85	112	13
210101	Chính trị	2	30	22	6	2
210102	Ngoại ngữ	3	60	30	28	2
210103	Tin học	1	30	0	28	2
210104	Giáo dục thể chất	1	30	3	24	3
210105	Giáo dục QP- An ninh	3	45	19	23	3
210106	Pháp luật	1	15	11	3	1
II	Các môn học chuyên môn	82	2.130	572	1479	79
II.1	Môn học cơ sở	14	240	142	82	16
210107	Giải phẫu – Sinh lý	5	90	58	26	6
210108	Vi sinh – Ký sinh trùng	2	30	28	0	2
210109	Dược lý	4	60	28	28	4
210110	Điều dưỡng cơ bản – Kỹ thuật điều dưỡng	3	60	28	28	4
II.2	Môn học chuyên môn	55	1.635	308	1277	50
210111	Lâm sàng KTDD	2	90		86	4
210112	Bệnh Nội khoa	5	75	40	32	3
210113	Bệnh Ngoại khoa	4	60	34	23	3
210114	Sức khỏe trẻ em	5	75	54	18	3
210115	Sức khỏe sinh sản	5	90	50	36	4
210116	Bệnh truyền nhiễm, xã hội	5	75	72		3

210117	Y học cổ truyền	3	60	29	26	5
210118	Phục hồi chức năng	2	30	29	0	1
210119	Lâm sàng BH Nội V1	2	90		88	2
210120	Lâm sàng BH Ngoại V1	2	90		88	2
210121	Lâm sàng BH SKSS V1	2	90		88	2
210122	Lâm sàng BH SKTE V1	2	90		88	2
210123	Lâm sàng BH Truyền nhiễm	2	90		88	2
210124	Lâm sàng BH Nội V2	2	90		88	2
210125	Lâm sàng BH Ngoại V2	2	90		88	2
210126	Lâm sàng BH SKSS V2	2	90		88	2
210127	Lâm sàng BH SKTE V2	2	90		88	2
210128	Lâm sàng Y học cổ truyền	2	90		88	2
210129	Thực hành nghề nghiệp	4	180	0	176	4
II.3	Môn học tự chọn	13	255	122	120	13
210130	Vệ sinh phòng bệnh	2	30	23	5	2
210131	Y tế cộng đồng	2	30	28		2
210132	Kỹ năng giao tiếp và GDSK	3	45	28	14	3
210133	Tổ chức và quản lý y tế	2	30	28	0	2
210134	Dinh dưỡng - Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	30	15	13	2
210135	Thực tế cộng đồng	2	90		88	2
	Tổng cộng	93	2.340	657	1591	92

5.2. Chương trình chi tiết môn học:

T T	Tên chương, mục	Thời gian			
		TS	LT	TH	KT

1	Bài 1. Học thuyết âm dương ngũ hành và ứng dụng trong y học cổ truyền	2	2		
2	Bài 2: Nguyên nhân gây bệnh	1	1		
3	Bài 3: Tạng phủ và các chứng bệnh tạng phủ	2	2		
4	Bài 4: Phương pháp chẩn đoán và chữa bệnh theo Y học cổ truyền	2	2		1LT
5	Bài 5: Hệ kinh lạc và kỹ thuật châm cứu	6	2	4	
6	Bài 6: Vị trí tác dụng cách châm 60 huyệt thường dùng	8	4	4	
7	Bài 7: Các thủ thuật xoa bóp bấm huyệt	3	1	2	
8	Bài 8: Xoa bóp bấm huyệt chữa một số bệnh thông thường	3	1	2	
9	Bài 9: Luyện tập dưỡng sinh	1	1		
10	Bài 10: Các phương pháp dân gian chữa cảm mạo	1	1		
11	Bài 11: Thuốc giải biểu	4	2	2	
12	Bài 12: Thuốc thanh nhiệt	4	2	2	
13	Bài 13: Thuốc trừ hàn - Lợi tiểu	2	1	1	
14	Bài 14: Hành khí - Hoạt huyết	2	1	1	
15	Bài 15: Thuốc cầm máu- An thần - Ho long đờm - Nhuận tràng - Cầm ỉa chảy	4	2	2	
16	Bài 16: Thuốc bổ dưỡng	4	2	2	
17	Bài 17: Đau dây thần kinh hông to, Thần kinh vai gáy, Liệt thần kinh VII ngoại biên do lạnh.	2	2		4TH
18	Bài 18. Cách kê đơn thuốc Y học cổ truyền	4	0	4	
	Cộng	60	29	26	5

6. Điều kiện thực hiện môn học:

6.1. Phòng học Lý thuyết/Thực hành: Đáp ứng phòng học chuẩn

6.2. Trang thiết bị dạy học: Máy vi tính, máy chiếu projector, phấn, bảng.

6.3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, tranh và mô hình châm cứu, thuốc mẫu,

6.4. Các điều kiện khác: mạng Internet.

7. Nội dung và phương pháp đánh giá:

7.1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, người học cần:
 - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp.
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
 - + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

7.2. Phương pháp:

7.2.1. Cách đánh giá

- Áp dụng quy chế đào tạo Cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 09/2017/TT-LĐTBXH, ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo áp dụng tại Trường Cao đẳng Y tế Sơn La như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 1)	
+ Điểm thi kết thúc môn học	60%

7.2.2. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá	Phương pháp tổ chức	Hình thức kiểm tra	Chuẩn đầu ra đánh giá	Số cột	Thời điểm kiểm tra
Thường xuyên	Viết	Tự luận	A1, A2, B1, B2, C1, C2	1	Sau khi học xong hết bài 4
Định kỳ	Vấn đáp	Thực hành	A1, A2, B1, B2,	1	Sau khi học xong hết bài 17
Kết thúc môn học	Viết	Tự luận cải tiến	A1, A2, B1, B2, C1, C2	1	Sau 60 giờ

7.2.3. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm môn học là tổng điểm của tất cả điểm đánh giá thành phần của môn học nhân với trọng số tương ứng. Điểm môn học theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ

số thập phân.

8. Hướng dẫn thực hiện môn học

8.1. Phạm vi, đối tượng áp dụng: Môn học được áp dụng cho đối tượng học sinh y sỹ đa khoa hệ chính quy học tập tại Trường CDYT Sơn La.

8.2. Phương pháp giảng dạy, học tập môn học

8.2.1. Đối với người dạy

+ Lý thuyết: Thuyết trình, phát vấn, động não.
+ Thực hành: Minh họa trực quan, cầm tay chỉ việc, thực hành trên tranh/mô hình, thuốc mẫu theo nhóm.

+ **Hướng dẫn tự học theo nhóm:** Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm tìm hiểu, nghiên cứu lần lượt theo yêu cầu nội dung trong bài học, cả nhóm thảo luận, trình bày nội dung, ghi chép và báo cáo nhóm.

8.2.2. Đối với người học: Người học phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi người học vào học môn học này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 70% các buổi giảng lý thuyết. Nếu người học vắng >30% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tự học và thảo luận nhóm: là một phương pháp học tập kết hợp giữa làm việc theo nhóm và làm việc cá nhân. Một nhóm gồm 8-10 người học sẽ được cung cấp chủ đề thảo luận trước khi học lý thuyết, thực hành. Mỗi người học sẽ chịu trách nhiệm về 1 hoặc một số nội dung trong chủ đề mà nhóm đã phân công để phát triển và hoàn thiện tốt nhất toàn bộ chủ đề thảo luận của nhóm.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc môn học.

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

9. Tài liệu tham khảo:

[1]. **Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2018)**, Thông tư số 54/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc quy định khối lượng kiến thức tối thiểu yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực sức khỏe và dịch vụ xã hội.

[2] **Bộ Y tế (2012)**, Quyết định số 1352/QĐ-BYT ngày 24 tháng 4 năm 2012 của Bộ Y tế ban hành “ Chuẩn năng lực của Điều dưỡng Việt Nam”.

[3] **Trần Thúy, Phạm Duy Nhạc, Hoàng Bảo Châu (2012)**, *Bài giảng Y học cổ truyền tập 1*, 2 (tái bản lần thứ 5), NXB Y học (chủ biên GS Trần Thúy).

[4] **Trường Đại học y Hà Nội (2004)**, *Bài giảng Y học cổ truyền*, NXB Y học

BÀI 1. HỌC THUYẾT ÂM DƯƠNG NGŨ HÀNH VÀ ỨNG DỤNG TRONG Y HỌC CỔ TRUYỀN

❖ GIỚI THIỆU BÀI 1

Bài 1 là bài giới thiệu tổng quan về khái niệm, những quy luật của học thuyết âm dương, những mối quan hệ ngũ hành và ứng dụng của chúng vào y học.

❖ MỤC TIÊU BÀI 1

Sau khi học xong bài này, người học có khả năng:

➤ Về kiến thức:

- Trình bày được khái niệm, những quy luật của học thuyết âm dương và ứng dụng học thuyết âm dương vào y học.
- Trình bày được định nghĩa, những mối quan hệ ngũ hành và ứng dụng của học thuyết ngũ hành vào y học.

➤ Về kỹ năng:

- Vận dụng được những kiến thức đã học của học thuyết âm dương vào chẩn đoán, điều trị và chăm sóc người bệnh trên lâm sàng và cộng đồng.
- Vận dụng được những kiến thức đã học của học thuyết ngũ hành vào chẩn đoán, điều trị và chăm sóc người bệnh trên lâm sàng và cộng đồng.

➤ Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Chủ động nghiên cứu học thuyết âm dương và ngũ hành.
- Chịu trách nhiệm về kết quả học tập của mình.

❖ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP BÀI 1

- Đối với người dạy: sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực (diễn giảng, vấn đáp).

- Đối với người học: chủ động đọc trước giáo trình (Bài 1) trước buổi học.

❖ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN BÀI 1

- **Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:** Phòng học lý thuyết.
- **Trang thiết bị máy móc:** Máy chiếu và các thiết bị dạy học khác
- **Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, tranh âm dương ngũ hành, và các tài liệu liên quan.
- **Các điều kiện khác:** Không có

❖ KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ BÀI 1

- Nội dung:

- ✓ Kiến thức: Kiểm tra và đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- ✓ Kỹ năng: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.
- ✓ Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, người học cần:
 - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
 - + Nghiêm túc trong quá trình học tập.
- **Phương pháp kiểm tra đánh giá:**
 - ✓ **Điểm kiểm tra thường xuyên:** không có
 - ✓ **Kiểm tra định kỳ lý thuyết:** không có

NỘI DUNG BÀI 1

I. Học thuyết âm dương

1. Định nghĩa:

Học thuyết âm dương là triết học cổ đại phương đông nghiên cứu sự vận động và tiến hóa không ngừng của vật chất, giải thích nguyên nhân phát sinh, phát triển và tiêu vong của vạn vật.

Học thuyết âm dương là nền tảng tư duy của các ngành học thuật, đặc biệt là y học, từ lý luận đến thực hành, trong chẩn đoán bệnh cũng như chữa bệnh, cơ chế và dùng thuốc đều dựa vào học thuyết âm dương.

2. Nội dung

Âm và dương là tên gọi đặt cho 2 yếu tố cơ bản của 1 vật, 2 cực của một quá trình vận động và 2 nhóm hiện tượng có liên quan biện chứng với nhau.

- Thuộc tính của âm : Ở dưới, ở trong, yên tĩnh, có xu hướng tích tụ.
- Thuộc tính của dương: Ở trên, ở ngoài, hoạt động, có xu hướng phân tán.

3. Những qui luật âm dương

a. Âm dương đối lập

Âm dương mâu thuẫn ước chế lẫn nhau như ngày và đêm, nóng và lạnh.

b. Âm dương hỗ căn

Âm dương cùng 1 cội nguồn, nương tựa giúp đỡ lẫn nhau như vật chất và năng lượng, đồng hóa và dị hóa: Âm có trong dương dương có trong âm.

Âm dương không tách biệt nhau mà hòa hợp với nhau, thống nhất với nhau do vậy âm phải thắng dương phải giáng.

c. Âm dương tiêu trưởng

Âm dương không cố định mà luôn biến động. Khi âm tiêu thì dương trưởng và ngược lại. Quá trình biến động thường theo 1 chu kỳ nhất định như sáng tối trong 1 ngày, bốn mùa xuân hạ thu đông trong 1 năm.

d. Âm dương bình hành

Bình hành là cân bằng cùng tồn tại, sự cân bằng âm dương là cân bằng động, cân bằng sinh vật. Nếu sự cân bằng bị phá vỡ thì sự vật có nguy cơ bị tiêu vong.

4. Ứng dụng học thuyết âm dương vào y học

a. Phân định tính chất âm dương trong cơ thể

Âm

- Các tạng: Tâm, can, tỳ, phế, thận.
- Các kinh âm.
- Phần lý.

Dương

- Các phủ: Tiểu trường, vị, đờm, đại trường, bàng quang.

- Các kinh dương.

- Phân biểu.

b. Quan niệm về bệnh và nguyên tắc chữa bệnh

- Bệnh là sự mất cân bằng âm dương trong cơ thể.

+ Hoặc do 1 bên quá mạnh (âm hoặc dương thịnh).

+ Hoặc do 1 bên quá yếu (âm hoặc dương hư).

- Chữa bệnh là lập lại thể cân bằng sinh lý.

+ Bệnh hàn dùng thuốc ấm nóng.

+ Bệnh nhiệt dùng thuốc mát lạnh.

+ Hư yếu phải dùng thuốc bổ.

c. Phòng bệnh

Đề cao việc rèn luyện để giữ thăng bằng âm dương trong cơ thể, dự phòng bệnh tật và tăng cường sức khỏe, tập luyện phải kết hợp tập động và tập tĩnh, rèn luyện cân khớp kết hợp với rèn luyện các nội tạng.

II. Học thuyết ngũ hành

1. Định nghĩa

Học thuyết là triết học cổ đại phương đông nghiên cứu những mối quan hệ giữa các vật chất trong quá trình vận động, bổ xung cho học thuyết âm dương, giải thích cơ chế của sự tiêu trưởng và chuyển hóa.

2. Nội dung

Ngũ hành là 5 nhóm vật chất, 5 dạng vận động phổ biến của vật chất đó là: Mộc, hỏa, thổ, kim, thủy.

3. Những mối quan hệ ngũ hành

a. Quan hệ tương sinh tương khắc

Trong thể cân bằng thì ngũ hành tương sinh tương khắc

- Ngũ hành tương sinh: Có ý nghĩa là giúp đỡ, thúc đẩy tạo điều kiện cho nhau phát triển.

Mộc sinh hỏa, hỏa sinh thổ, thổ sinh kim, kim sinh thủy, thủy sinh mộc.

Hành sinh gọi là hành mẹ, hành được sinh gọi là hành con (mộc là mẹ của hỏa)

- Ngũ hành tương khắc: Có nghĩa là giám sát, kiềm chế để không phát triển quá mức.

Mộc khắc thổ, thổ khắc thủy, thủy khắc hỏa, hỏa khắc kim.

b. Quan hệ tương thừa tương vũ

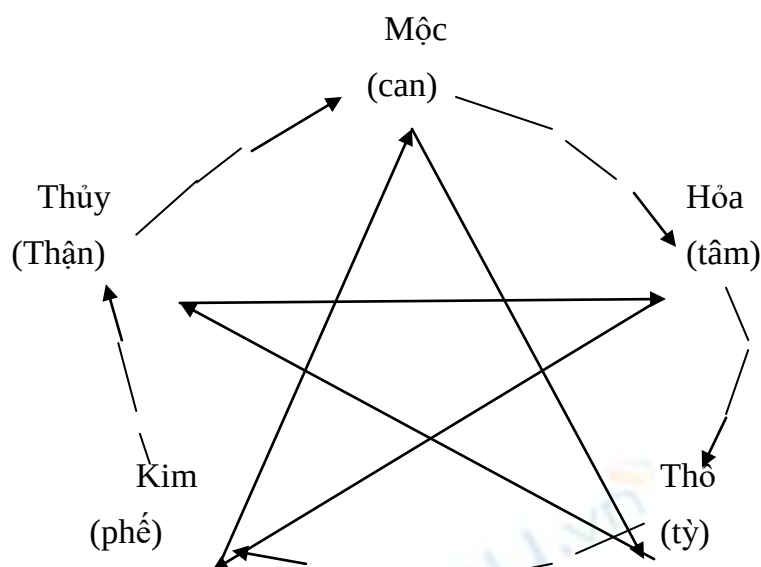
Trong thể mất cân bằng thường do ngũ hành tương thừa hoặc tương vũ.

- Ngũ hành tương thừa.

Khắc quá mạnh, làm cho hành bị khắc tê liệt không hoạt động được.

- Ngũ hành tương vũ

Khắc quá yếu để hành bị khắc chống đối lại.



4. Ứng dụng học thuyết vào y học

a. Chẩn đoán bệnh

- Màu da

+ Da xanh thuộc mộc, bệnh thuộc tạng can.

+ Đỏ thuộc hỏa, bệnh thuộc tạng tâm.

+ Da xám đen thuộc thủy, bệnh thuộc thận.

+ Vàng thuộc thổ, bệnh thuộc tỳ.

+ Trắng thuộc kim, bệnh thuộc phế.

- Tính tình

+ Hay giận thuộc mộc, bệnh thuộc can.

+ Vui mừng cười nói quá mức bệnh thuộc tâm.

+ Sợ hãi bệnh thuộc tạng thận.

+ Buồn phiền thuộc phế.

+ Lo lắng suy nghĩ bệnh thuộc tỳ.

b. Tìm cơ chế bệnh sinh

Bệnh chứng xuất hiện ở 1 tạng nhưng nguồn bệnh có thể ở tạng khác gây ra.

c. Chữa bệnh.

- Dựa vào quan hệ tương sinh: Con hư bổ mẹ, mẹ thực tả con.

- Dựa vào quan hệ tương thừa tương vũ, tìm nguồn gốc chính của bệnh.

CÂU HỎI LƯỢNG GIÁ

1. Trình bày định nghĩa, nội dung, những quy luật và ứng dụng của học thuyết âm dương vào y học?
2. Trình bày định nghĩa, nội dung, những mối quan hệ và ứng dụng của học thuyết ngũ hành vào y học?

TaiLieu.vn

BÀI 2. NGUYÊN NHÂN GÂY BỆNH

❖ GIỚI THIỆU **BÀI 2**

Bài 2 là bài giới thiệu tổng quan về đặc tính, các chứng bệnh hay xuất hiện của nguyên nhân gây bệnh bên ngoài, nguyên nhân gây bệnh bên trong và nguyên nhân gây khác theo quan điểm Y học cổ truyền.

❖ MỤC TIÊU BÀI 2

Sau khi học xong bài này, người học có khả năng:

➤ **Về kiến thức:**

- Trình bày được đặc tính, các chứng bệnh hay xuất hiện của những nguyên nhân gây bệnh bên ngoài.

- Trình bày được nguyên nhân gây bệnh bên trong và nguyên nhân khác.

➤ **Về kỹ năng:**

- Vận dụng được những kiến thức đã học về nguyên nhân gây bệnh bên ngoài vào điều trị, chăm sóc, phòng bệnh cho người bệnh.

- Vận dụng được những kiến thức đã học về nguyên nhân gây bệnh bên trong và nguyên nhân khác vào điều trị, chăm sóc, phòng bệnh cho người bệnh.

➤ **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- Chủ động nghiên cứu về nguyên nhân gây bệnh trong y học cổ truyền

- Chịu trách nhiệm về kết quả học tập của mình.

❖ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP **BÀI 2**

- *Đối với người dạy: sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực (diễn giảng, vấn đáp, trực quan).*

- *Đối với người học: chủ động đọc trước giáo trình (**Bài 2**) trước buổi học.*

❖ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN **BÀI 2**

- **Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:** Phòng học lý thuyết.

- **Trang thiết bị máy móc:** Máy chiếu và các thiết bị dạy học khác

- **Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, và các tài liệu liên quan.

- **Các điều kiện khác:** Không có

❖ KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ **BÀI 2**

- **Nội dung:**

✓ **Kiến thức:** Kiểm tra và đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức

✓ **Kỹ năng:** Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.

✓ **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Trong quá trình học tập, người học cần:

+ Nghiên cứu bài trước khi đến lớp

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.

- + *Nghiêm túc trong quá trình học tập.*
- **Phương pháp kiểm tra đánh giá:**
 - ✓ ***Điểm kiểm tra thường xuyên:*** không có
 - ✓ ***Kiểm tra định kỳ lý thuyết:*** không có

TaiLieu.vn

NỘI DUNG **BÀI 2**

1. Đại cương

Y học cổ truyền chia nguyên nhân gây bệnh thành 3 nhóm:

- Nguyên nhân ngoài cơ thể (ngoại nhân).
- Nguyên nhân bên trong cơ thể (nội nhân).
- Nguyên nhân khác ngoài 2 nguyên nhân trên (bất nội ngoại nhân).

2. Những nguyên nhân bên ngoài: Là những yếu tố thời tiết và khí hậu bất thường, có 6 loại tà khí: phong, hàn tử, thấp, táo, hỏa.

2.1. Phong

* Đặc tính:

- Là dương tà hay đi lên và ra ngoài nên thường gây bệnh ở phần trên và phần ngoài cơ thể.

- Phát bệnh nhanh lui bệnh nhanh.
- Bệnh tích thường di chuyển từ nơi này qua nơi khác: Thấp khớp, mề đay mẩn ngứa.
- Hay gây hắt hơi sổ mũi sợ gió, mẩn ngứa, co giật.

* Kết hợp với các loại tà khác:

- Phong hàn: Các bệnh cảm mạo do lạnh, đau thần kinh ngoại biên, đau cơ cứng cơ.

- Phong nhiệt: Cảm sốt, viêm khớp, phù dị ứng, chàm.

2.2. Hàn

* Đặc tính

- Hay gây đau, điểm đau không di chuyển, chườm nóng hết đau.
- Hay gây ứ trệ co cứng, mồ hôi không ra được.

* Kết hợp với ngoại tà khác.

- Phong hàn.

- Hàn thấp: Đau bụng, ỉa chảy do lạnh.

2.3. Thử

* Đặc tính

- Hay gây sốt cao, khát nước, vật vã.
- Mức độ nặng gây ngất, hôn mê.

* Kết hợp với ngoại tà khác

- Thử nhiệt: Những bệnh gây sốt cao về màu hồng, sốt cao, ra nhiều mồ hôi, khát nước.

- Thử thấp: Rối loạn tiêu hóa, ỉa chảy về màu hồng nhạt, nhiễm khuẩn.

2.4. Thấp